

Tác động của chuyển đổi số đến thể chế chính trị Việt Nam

Nguyễn Thế Hùng*

Nhận ngày 15 tháng 8 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 10 năm 2025.

Tóm tắt: Chuyển đổi số đang tạo ra những biến đổi sâu sắc đối với thể chế chính trị Việt Nam. Không chỉ dừng lại ở việc ứng dụng công nghệ, quá trình này đã mở rộng không gian quản trị, nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và khả năng tương tác giữa Nhà nước với người dân. Chính phủ số, dữ liệu số và dịch vụ công trực tuyến đang góp phần thu hẹp khoảng cách giữa bộ máy công quyền với xã hội, củng cố niềm tin và tính chính danh của thể chế. Tuy nhiên, đi cùng cơ hội là những thách thức mới, nguy cơ bất bình đẳng số, rủi ro an ninh mạng, và sự tác động tiêu cực của thông tin sai lệch. Điều đó đòi hỏi quá trình chuyển đổi số không thể chỉ là cải tiến kỹ thuật, mà phải gắn liền với đổi mới tư duy quản trị chính trị, từ quản lý sang phục vụ, từ hành chính sang quản trị dựa trên dữ liệu và tương tác.

Từ khóa: Chuyển đổi số, Chính phủ số, thể chế chính trị.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: Digital transformation is bringing about profound changes to Vietnam’s political institutional framework. Beyond the mere application of technology, this process has expanded the governance space, enhanced transparency, efficiency, and interaction between the State and the people. Digital government, digital data, and online public services are contributing to narrowing the gap between the public administration apparatus and society, thereby strengthening trust and the legitimacy of the political system. However, along with opportunities come new challenges-such as the risk of digital inequality, cybersecurity risks, and the adverse effects of misinformation. This requires that digital transformation must not be limited to technical improvements, but must instead be accompanied by the renovation of the political governance thinking: shifting from management to service, and from administrative control to data-driven and interactive governance.

Keywords: Digital transformation, digital government, political institutional framework.

Subject classification: Political science

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số không chỉ là một xu thế công nghệ mà còn là động lực căn bản thúc đẩy đổi mới quản trị nhà nước và tái cấu trúc quyền lực chính trị. Đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, đây được coi là “cơ hội vàng” để hiện đại hóa bộ máy hành chính, nâng cao hiệu lực quản trị quốc gia, tăng cường hiệu quả điều hành, đồng thời mở rộng sự tham gia của người dân vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị đã khẳng định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là một trong những đột phá chiến lược hàng đầu, giữ vai trò động lực chính để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới phương thức quản trị, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu và đưa đất nước bứt phá trong kỷ nguyên mới.

Một thể chế chính trị nhất nguyên, nơi Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo toàn diện, quá trình chuyển đổi số được định hướng rõ ràng: vừa là công cụ thúc đẩy phát triển

* Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong thành phố Hà Nội.
Email: thehungcnxh@gmail.com

kinh tế - xã hội, vừa là phương tiện tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà nước. Tuy nhiên, sự tác động qua lại giữa công nghệ số và mô hình thể chế chính trị lại đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ và thách thức. Công nghệ số không chỉ gia tăng tính minh bạch, khả năng giám sát và sự tham gia của công dân, mà còn làm thay đổi cách thức vận hành quyền lực, mối quan hệ giữa các cấp chính quyền và giữa nhà nước với xã hội.

2. Cơ sở lý luận và khung phân tích

2.1. Khái niệm thể chế chính trị

Trong khoa học chính trị, thể chế chính trị là hệ thống các nguyên tắc, luật lệ, cấu trúc tổ chức và cơ chế vận hành mà qua đó quyền lực chính trị được tổ chức, thực thi và kiểm soát trong một quốc gia. Thể chế chính trị bao gồm cả hình thức nhà nước (đơn nhất, liên bang), mô hình chính thể (dân chủ, chuyên chế, quân chủ...), tổ chức quyền lực (tam quyền phân lập, tập quyền), cũng như các thiết chế cụ thể như đảng phái, nghị viện, tòa án, hành pháp, và các mối quan hệ giữa chúng. Trong bối cảnh Việt Nam, thể chế chính trị mang đặc điểm của một mô hình nhất nguyên chính trị (single-party system), trong đó Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo duy nhất, toàn diện và trực tiếp đối với nhà nước và xã hội. Quyền lực nhà nước được thống nhất và vận hành theo nguyên tắc tập trung dân chủ, trong đó các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp không phân lập tuyệt đối mà do sự lãnh đạo chính trị của Đảng.

Tuy nhiên, trong quá trình Đổi mới từ năm 1986 đến nay, thể chế chính trị Việt Nam đã có nhiều thay đổi về phương thức vận hành, đặc biệt là hướng tới xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, chính phủ kiến tạo, phục vụ, và tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động công quyền. Những thay đổi này chủ yếu mang tính thể chế hóa các nhu cầu thực tiễn, song lại đặt ra những đòi hỏi cao hơn về cải cách chính trị theo hướng hiện đại và hiệu quả hơn.

2.2. Khái niệm chuyển đổi số

Chuyển đổi số (digital transformation) là quá trình tích hợp công nghệ số vào tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, nhằm thay đổi căn bản cách thức vận hành, tổ chức và cung cấp dịch vụ. Ở cấp độ nhà nước, chuyển đổi số thường bao gồm ba trụ cột chính: (1) *Chính phủ số*, số hóa quy trình làm việc nội bộ, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, sử dụng dữ liệu lớn trong hoạch định chính sách; (2) *Kinh tế số*, sử dụng công nghệ để tạo ra mô hình kinh doanh mới, thị trường mới và tăng năng suất lao động; (3) *Xã hội số*, ứng dụng công nghệ trong giáo dục, y tế, truyền thông, tương tác xã hội và phát triển công dân số.

Ở Việt Nam, chuyển đổi số được định nghĩa trong Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia là quá trình thay đổi toàn diện từ cách nghĩ, cách làm của các tổ chức và cá nhân trên nền tảng công nghệ số. Quá trình này không chỉ là số hóa thông tin mà còn là chuyển đổi mô hình vận hành, cấu trúc tổ chức và mối quan hệ giữa nhà nước với công dân. Từ góc độ chính trị, chuyển đổi số tác động trực tiếp đến cách thức quyền lực được tổ chức, thực hiện và kiểm soát - tức là ảnh hưởng đến bản thân thể chế chính trị.

2.3. Lý thuyết liên quan

Để phân tích tác động của chuyển đổi số đến thể chế chính trị Việt Nam, có thể vận dụng một số lý thuyết chính trị - xã hội như sau:

Thuyết hiện đại hóa chính trị (Political Modernization Theory) cho rằng sự phát triển kinh tế - xã hội tất yếu dẫn đến thay đổi trong cấu trúc chính trị, từ đó thúc đẩy dân chủ hóa và nâng cao năng lực quản trị nhà nước. Trong bối cảnh chuyển đổi số, công nghệ được xem

như là nhân tố xúc tác hiện đại hóa thể chế bằng cách: Tăng tính minh bạch và khả năng giám sát quyền lực; Tạo điều kiện cho sự tham gia nhiều hơn của người dân; Thúc đẩy cải cách hành chính, giảm quan liêu. Tuy nhiên, trong các hệ thống chính trị không dân chủ hoặc tập trung quyền lực cao, chuyển đổi số cũng có thể bị sử dụng như công cụ để củng cố quyền lực trung ương, tăng cường kiểm soát thông tin và hạn chế không gian phản biện.

Thuyết quản trị công mới (New Public Management - NPM) nhấn mạnh việc áp dụng các nguyên lý của quản trị doanh nghiệp vào hoạt động của nhà nước, với các yếu tố then chốt như: hiệu quả, cạnh tranh, đo lường kết quả và trách nhiệm giải trình. Chuyển đổi số được xem là công cụ để thúc đẩy mô hình NPM, đặc biệt trong: Tự động hóa quy trình ra quyết định hành chính; Đo lường hiệu quả công việc của cán bộ, công chức; Tăng cường cung cấp dịch vụ công theo nhu cầu người dân. Tuy nhiên, việc áp dụng NPM vào môi trường chính trị Việt Nam cần linh hoạt, bởi các yếu tố dân chủ đại diện và cơ chế đối trọng quyền lực chưa phát triển đồng bộ.

Lý thuyết về quyền lực và công nghệ (Power & Technology) tiếp cận hiện đại hơn trong khoa học chính trị là phân tích mối quan hệ giữa công nghệ và quyền lực. Theo đó, công nghệ số không trung lập mà luôn gắn với cách thức vận hành quyền lực trong xã hội. AI và Big Data giúp nhà nước giám sát xã hội hiệu quả hơn, nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ lạm quyền nếu không có thiết chế kiểm soát; Mạng xã hội tạo ra không gian mới cho tự do biểu đạt, nhưng cũng có thể bị kiểm duyệt, thao túng hoặc gây bất ổn chính trị. Tuy nhiên, tại Việt Nam, các quy định liên quan đến quản lý mạng xã hội, dữ liệu công dân, và an ninh mạng đều cho thấy sự thận trọng trong việc kiểm soát quyền lực công nghệ, phản ánh sự căng thẳng giữa yêu cầu phát triển và ổn định chính trị.

2.4. Khung phân tích đề xuất

Dựa trên các lý thuyết và bối cảnh cụ thể của Việt Nam, bài viết đề xuất khung phân tích gồm 5 chiều cạnh chính để đánh giá tác động của chuyển đổi số đến thể chế chính trị: (1) *Tổ chức và vận hành bộ máy nhà nước*, phân tích việc ứng dụng công nghệ trong cải cách hành chính, cấu trúc bộ máy, mối quan hệ giữa các cấp chính quyền; (2) *Quy trình hoạch định và thực thi chính sách*, vai trò của dữ liệu lớn, phân tích dự báo trong quá trình ra quyết định. Tác động đến tính minh bạch và khả năng phản hồi chính sách; (3) *Sự tham gia và giám sát của người dân*, các nền tảng phản ánh, lấy ý kiến, bỏ phiếu điện tử, mạng xã hội. Mức độ dân chủ hóa không gian chính trị số; (4) *Quyền lực và kiểm soát quyền lực*, phân tích sự thay đổi trong cấu trúc quyền lực do công nghệ mang lại. Cơ chế kiểm soát, bảo vệ quyền riêng tư, dữ liệu cá nhân, và quyền tiếp cận thông tin; (5) *An ninh chính trị và ổn định thể chế*, tác động của chuyển đổi số đến an ninh mạng, quản lý thông tin, phòng chống các nguy cơ bất ổn chính trị.

3. Thực trạng chuyển đổi số và tác động đến thể chế chính trị Việt Nam

3.1. Khái quát về tiến trình chuyển đổi số ở Việt Nam

Chuyển đổi số đã trở thành một trong những định hướng trọng tâm của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019, về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Bộ Chính trị xác định nội dung cốt lõi là thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết xác định mục tiêu cụ thể đến năm 2025: “Cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN trong xếp hạng chính phủ điện tử theo đánh giá của Liên Hợp Quốc” (Bộ Chính trị, 2019). Đặc biệt, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng (2021) khẳng định: “Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021: 239).

Quyết định số 27-QĐ/TW ngày 10/8/2021 của Ban chấp hành Trung ương về việc ban hành Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2021-2025 trong đó nhấn mạnh: “Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan đảng phù hợp với Chương trình chuyển đổi số quốc gia” (Ban Chấp hành Trung ương, 2021). Tiếp đó, ngày 29/11/2024, Ban Bí thư ban hành Quyết định số 204-QĐ/TW phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng. Theo đó: “Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong các cơ quan đảng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành gắn với cải cách thủ tục hành chính, đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Chuyển đổi số thống nhất, toàn diện trong tất cả các lĩnh vực công tác đảng, trong các cơ quan đảng từ Trung ương tới cơ sở, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, phù hợp với tình hình thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị” (Ban Bí thư, 2024).

Năm 2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Mục tiêu đề ra là: “Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, hạnh phúc” (Thủ tướng Chính phủ, 2020).

Nhân kỷ niệm 79 năm Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2024), Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Tô Lâm có bài viết “Chuyển đổi số - Động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới”. Trong đó khẳng định: “Chúng ta đang đứng trước yêu cầu phải có một cuộc cách mạng với những cải cách mạnh mẽ, toàn diện để điều chỉnh quan hệ sản xuất, tạo động lực mới cho phát triển. Đó là cuộc cách mạng chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ nhằm tái cấu trúc quan hệ sản xuất phù hợp với sự tiến bộ vượt bậc của lực lượng sản xuất” (GS.TS. Tô Lâm, 2024).

Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong chuyển đổi số: Hạ tầng số, mạng viễn thông phủ sóng 4G trên 95% diện tích, đã hoàn thành lộ trình tắt sóng 2G trên toàn quốc, thí điểm 5G ở các đô thị lớn. Cơ sở dữ liệu quốc gia, đặc biệt là Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Căn cước công dân gắn chip, tạo nền tảng cho định danh và xác thực điện tử (Hà Linh, 2024). Hiện có 25/34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến với thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt tỷ lệ trên 90%, trong đó có 04 địa phương đã đạt 100%; 34/34 địa phương đã công bố danh mục thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn (Chính phủ, 2025).

Chỉ số chính phủ điện tử, theo xếp hạng Liên Hợp Quốc (2024), Việt Nam đứng thứ 71/193 quốc gia, tăng 15 bậc so với năm 2022, thuộc nhóm có mức phát triển chính phủ điện tử ở mức cao (Văn Phong, 2024). Tuy nhiên, tiến trình này cũng đặt ra nhiều vấn đề phức tạp về chính trị - xã hội: làm thế nào để công nghệ số góp phần củng cố hiệu quả quản trị công, tăng cường minh bạch, nâng cao năng lực kiểm soát quyền lực, mà vẫn giữ vững ổn định chính trị - xã hội dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3.2. Thực trạng chuyển đổi số trong lĩnh vực chính trị và quản trị quốc gia

Xây dựng chính phủ số và quản trị thông minh, chuyển đổi số đã thúc đẩy mô hình chính phủ điện tử tiến lên một giai đoạn mới - chính phủ số. Điều này thể hiện qua: Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) ra mắt tháng 12/2019, sau hơn 5 năm, tính đến ngày 03/02/2025, Cổng Dịch vụ công quốc gia có hơn 8,8 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái; 1,5 triệu hồ sơ trực tuyến; 963 nghìn giao dịch thanh toán. Tổng cộng, Cổng Dịch vụ công quốc gia đã cung cấp 4.413 Dịch vụ công trực tuyến, xử lý 405 triệu hồ sơ; 69,1 triệu hồ sơ trực tuyến; 27,1 triệu giao dịch thanh toán và tiếp nhận hơn 597 nghìn cuộc gọi (Mạnh Tuyên, 2025).

Đây là cơ sở để xây dựng Chính phủ số “lấy người dân làm trung tâm”. Ứng dụng VNeID giúp công dân tích hợp nhiều loại giấy tờ (Căn cước công dân, giấy phép lái xe, thẻ bảo hiểm y tế...) trên một ứng dụng duy nhất, hỗ trợ quản lý nhà nước và giảm phiền hà hành chính.

Xây dựng chính phủ số và quản trị thông minh đã tác động chính trị rất lớn, giúp tăng cường năng lực kiểm soát xã hội của nhà nước thông qua dữ liệu số tập trung. Tạo điều kiện cho chính quyền phục vụ, thay đổi quan hệ giữa công dân và nhà nước theo hướng tương tác trực tuyến, giảm tiếp xúc trực tiếp, qua đó hạn chế tình trạng những nhiễu. Đồng thời, Chính phủ số cũng đặt ra thách thức về bảo mật dữ liệu, quyền riêng tư, và nguy cơ “tập trung quyền lực dữ liệu” vào một số cơ quan nhà nước.

Chuyển đổi số trong hoạt động của Đảng và Quốc hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã triển khai hệ thống “Điều hành tác nghiệp trên môi trường mạng” trong toàn Đảng, ứng dụng chữ ký số, văn bản điện tử, góp phần tinh giản bộ máy hành chính. Sáng 20/5/2022, trong bối cảnh dịch Covid-19, Quốc hội đã khai mạc Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV. Đây là kỳ họp đặc biệt khi lần đầu tiên Quốc hội họp trực tuyến, thể hiện sự đổi mới, tinh thần đoàn kết, quyết tâm, tạo động lực để đất nước và Nhân dân ta vượt qua khó khăn, để tiếp tục phát triển mọi mặt - một bước tiến lớn trong đổi mới thể chế chính trị theo hướng hiện đại (Thúy Vân, 2020).

Chuyển đổi số trong hoạt động của Đảng và Quốc hội đã tác động chính trị, làm tăng tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý, điều hành của Đảng và Nhà nước. Tăng cường sự tham gia của đại biểu, tổ chức đảng, đoàn thể nhờ môi trường số, giảm phụ thuộc vào yếu tố địa lý. Tuy nhiên, cũng nảy sinh câu hỏi về khả năng kiểm soát thông tin nội bộ và rủi ro an ninh mạng khi mọi hoạt động chính trị - hành chính ngày càng số hóa.

Truyền thông chính trị trong kỷ nguyên số, mạng xã hội và nền tảng số trở thành kênh truyền thông chính trị quan trọng. Nhiều cơ quan Đảng, Nhà nước có trang Facebook chính thức để thông tin và tương tác (Bộ Y tế trong giai đoạn Covid-19, Công an Hà Nội, Tổng cục Thuế...). Chính phủ sử dụng mạng xã hội như một công cụ truyền thông chính sách, Ngày 21/3/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 7/CT-TTg về việc tăng cường công tác truyền thông chính sách. Trong đó khẳng định: “Truyền thông chính sách là một nhiệm vụ, một chức năng quan trọng của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Báo chí và các loại hình truyền thông khác là kênh thông tin, là phương thức cơ bản, quan trọng để thực hiện việc truyền thông chính sách” (Thủ tướng Chính phủ, 2024).

Truyền thông chính trị trong kỷ nguyên số đã tác động chính trị, tạo kênh đối thoại trực tiếp giữa nhà nước và công dân, tăng tính tương tác hai chiều. Góp phần củng cố tính chính danh của Đảng và Nhà nước thông qua việc lắng nghe ý kiến phản hồi của người dân. Tuy nhiên, mạng xã hội cũng là nơi tập hợp, lan truyền các quan điểm phản biện, chỉ trích chính sách, đôi khi dẫn đến các thách thức về quản lý thông tin, an ninh chính trị trên không gian mạng.

3.3. Tác động của chuyển đổi số đến thể chế chính trị Việt Nam

Chuyển đổi số củng cố năng lực lãnh đạo của Đảng, nhờ ứng dụng công nghệ số, Đảng có thể nâng cao năng lực điều hành và giám sát thông qua hệ thống báo cáo điện tử, dữ liệu tập trung. Việc áp dụng phân tích dữ liệu lớn (big data) giúp dự báo xu hướng xã hội, từ đó ra quyết định chính trị kịp thời và sát thực tế hơn.

Chuyển đổi số tăng cường hiệu quả quản trị công và cải cách hành chính, giúp giảm quan liêu, tiết kiệm thời gian và chi phí cho người dân, đồng thời hạn chế cơ hội tham nhũng vặt trong khu vực công. Theo tính toán chi phí xã hội thực hiện 8 nhóm dịch vụ công, giả định với số lượng giao dịch như năm 2018, việc chuyển từ phương thức trực tiếp sang trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia sẽ tiết kiệm được 4.222 tỷ đồng/năm (Cổng thông tin điện tử chính phủ, 2025). Điều này góp phần cải thiện tính chính danh của chính quyền trong mắt công dân, đồng thời củng cố nền tảng cho sự ổn định chính trị.

Chuyển đổi số tác động đến quan hệ nhà nước - công dân, làm thay đổi cách công dân tiếp cận chính quyền, từ tiếp xúc trực tiếp sang giao tiếp qua môi trường số. Từ thụ động tiếp nhận chính sách sang chủ động tham gia góp ý qua mạng xã hội, cổng góp ý chính sách trực tuyến. Tác động chính trị là rõ rệt, sự tham gia chính trị của công dân trở nên dễ dàng hơn, nhưng cũng khiến nhà nước phải đối mặt với áp lực lớn hơn về minh bạch, trách nhiệm giải trình.

Chuyển đổi số đặt ra thách thức đối với kiểm soát quyền lực và an ninh chính trị, nguy cơ lộ lọt dữ liệu cá nhân có thể ảnh hưởng đến niềm tin của người dân vào chính quyền. Mạng xã hội là nơi hình thành các nhóm đối lập, phản biện mạnh mẽ, gây sức ép chính trị – xã hội. Công nghệ AI, deepfake có thể bị lợi dụng để tạo tin giả, làm xói mòn uy tín chính trị của các cơ quan lãnh đạo.

4. Đánh giá tác động chuyển đổi số đến thể chế chính trị

4.1. Tác động tích cực từ chuyển đổi số đến thể chế chính trị

Thứ nhất, chuyển đổi số thúc đẩy cải cách thể chế, củng cố năng lực lãnh đạo, nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia. Chuyển đổi số đã và đang tạo ra sự thay đổi căn bản trong cách thức vận hành của bộ máy chính trị Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam, với vai trò lãnh đạo toàn diện, đã tận dụng công nghệ để nâng cao năng lực điều hành và giám sát xã hội. Việc ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, chữ ký số, hội nghị trực tuyến đã giúp giảm đáng kể sự trì trệ trong công tác chỉ đạo từ Trung ương đến địa phương.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và căn cước công dân gắn chip cho phép Nhà nước nắm bắt toàn diện thông tin dân số, từ đó phục vụ hoạch định chính sách, quản lý xã hội và kiểm soát an ninh. Đây là một lợi thế chính trị quan trọng trong việc duy trì ổn định, tăng cường năng lực quản trị quốc gia.

Thứ hai, chuyển đổi số tăng cường mối liên hệ giữa Nhà nước - người dân. Một trong những thay đổi lớn nhất của chuyển đổi số là sự dịch chuyển trong quan hệ giữa Nhà nước và công dân. Trước đây, người dân thường phải tiếp xúc trực tiếp với bộ máy hành chính, đối mặt với thủ tục rườm rà, tình trạng nhũng nhiễu. Ngày nay, dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cho phép người dân làm thủ tục qua mạng, từ khai sinh, đăng ký kinh doanh, nộp thuế cho đến cấp phép xây dựng.

Các địa phương như Quảng Ninh, Đà Nẵng đã xây dựng chính quyền điện tử và thành phố thông minh, trong đó người dân có thể phản ánh hiện tượng tiêu cực qua ứng dụng điện thoại. Sự phản hồi nhanh chóng từ chính quyền địa phương cho thấy một mô hình “chính quyền phục vụ” thay vì “chính quyền cai trị”. Đây là sự thay đổi quan trọng trong quan hệ chính trị, khi tính tương tác và trách nhiệm giải trình của Nhà nước ngày càng cao.

Thứ ba, chuyển đổi số góp phần chống quan liêu, tham nhũng. Một trong những tác động tích cực nổi bật của chuyển đổi số đối với thể chế chính trị là tăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình và phòng chống tham nhũng, hạn chế tham nhũng vặt và quan liêu hành chính. Khi các thủ tục hành chính được thực hiện trên môi trường số, không còn nhiều “cửa” để cán bộ nhũng nhiễu người dân. Trong lĩnh vực thuế và hải quan, việc áp dụng nộp thuế điện tử, khai báo hải quan trực tuyến đã giảm mạnh tình trạng “xin - cho”. Ngành thuế xác định cải cách thủ tục hành chính thuế là nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Do đó, Cục Thuế đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, với tinh thần khẩn trương và nghiêm túc. Ngành thuế đã cắt giảm từ 304 thủ tục xuống còn 219, trong đó 134 thủ tục đã đạt mức dịch vụ công trực tuyến toàn trình (Huy Thắng, 2025).

Ngoài ra, các hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung giúp việc giám sát nội bộ trở nên hiệu quả hơn. Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Thanh tra chính phủ có thể sử dụng dữ liệu số để phát

hiện bất thường, thay vì chỉ dựa vào báo cáo thủ công từ cấp dưới. Điều này góp phần xây dựng một nền chính trị minh bạch và củng cố lòng tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước.

4.2. Rủi ro tiềm ẩn từ chuyển đổi số đến thể chế chính trị

Một là, khả năng bị thao túng thông tin và công nghệ, lộ lọt thông tin, dữ liệu quan trọng. Chuyển đổi số làm gia tăng áp lực chính trị khi công dân dễ dàng phản ánh, thậm chí chỉ trích chính sách công trên mạng xã hội. Nhà nước phải thích ứng với dòng thông tin hai chiều nhanh chóng, Yêu cầu năng lực xử lý khởi động truyền thông và điều chỉnh chính sách linh hoạt. Nếu dữ liệu cá nhân bị lộ lọt hoặc bị lạm dụng, có thể làm suy giảm niềm tin vào chính quyền. Bên cạnh đó, những công nghệ mới như AI, Deepfake, Chatbot lại mang đến rủi ro chưa từng có, chỉ một video giả mạo lãnh đạo cũng có thể gây khủng hoảng chính trị. Thử thách lớn nhất là cân bằng giữa kiểm soát và tự do thông tin, nếu kiểm soát quá chặt, Nhà nước có nguy cơ làm giảm tính tương tác và sự tham gia chính trị của công dân; ngược lại, nếu nới lỏng quá mức, có thể xuất hiện nguy cơ bất ổn chính trị - xã hội.

Hai là, thách thức đối với tính chính danh nếu sự minh bạch không đi kèm với trách nhiệm giải trình thực chất. Chuyển đổi số làm thay đổi sâu sắc cách thức Nhà nước truyền tải thông điệp chính trị, tác động đến truyền thông chính trị và tính chính danh của chế độ. Các cơ quan Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương đều sử dụng mạng xã hội để tương tác với công dân. Tuy nhiên, sự phát triển của mạng xã hội cũng làm xuất hiện nhiều thách thức chính trị mới: tin giả, tin sai sự thật, các quan điểm phản biện chính sách có thể lan truyền nhanh chóng, gây áp lực lên bộ máy nhà nước. Điều này cho thấy, chuyển đổi số vừa là công cụ củng cố tính chính danh thông qua minh bạch hóa thông tin, vừa tiềm ẩn nguy cơ làm xói mòn niềm tin nếu chính quyền không kịp thời kiểm soát khủng hoảng truyền thông.

Ba là, thách thức đến từ khoảng cách số và vấn đề công bằng chính trị - xã hội. Một điểm cần lưu ý là chuyển đổi số không diễn ra đồng đều. Ở các trung tâm đô thị, người dân dễ dàng tiếp cận dịch vụ số. Nhưng tại các vùng nông thôn, miền núi, biên giới, tỷ lệ người dân có khả năng sử dụng dịch vụ số còn thấp. Trong khi người dân thành phố có thể làm thủ tục hành chính trên ứng dụng VNeID, nhiều người dân vùng sâu vùng xa chưa có điều kiện sử dụng smartphone hoặc Internet chưa ổn định. Khoảng cách này nếu kéo dài có thể ảnh hưởng đến tính toàn diện và công bằng của thể chế chính trị.

5. Định hướng và giải pháp chính sách

5.1. Hoàn thiện thể chế pháp lý cho chuyển đổi số

Chuyển đổi số đang trở thành động lực then chốt trong phát triển kinh tế - xã hội và hiện đại hóa quản trị quốc gia ở Việt Nam. Tuy nhiên, quá trình này chỉ có thể phát huy tối đa hiệu quả khi được bảo đảm bởi một hệ thống thể chế pháp lý đầy đủ, minh bạch và đồng bộ. Để đảm bảo có được khung pháp lý toàn diện cho chuyển đổi số, cần định hướng hoàn thiện thể chế pháp lý:

Thứ nhất, xây dựng thể chế pháp lý theo hướng toàn diện, đồng bộ và gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Điều này đòi hỏi các văn bản pháp luật phải bao quát cả các lĩnh vực hạ tầng số, dữ liệu số, giao dịch điện tử, an ninh mạng và bảo vệ quyền lợi người dùng.

Thứ hai, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Thể chế pháp lý phải tạo điều kiện thuận lợi nhất để công dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, doanh nghiệp triển khai kinh doanh số, đồng thời bảo đảm quyền riêng tư và an toàn dữ liệu cá nhân.

Thứ ba, thể chế pháp lý cần đi trước một bước, mang tính dự báo và thích ứng nhanh với sự thay đổi công nghệ. Điều này đặc biệt quan trọng khi các công nghệ mới như trí tuệ nhân

tạo (AI), Blockchain, dữ liệu lớn, Internet vạn vật (IoT) đang thay đổi mạnh mẽ cách thức quản trị và kinh doanh.

Thứ tư, quá trình xây dựng pháp luật phải gắn với chuẩn mực quốc tế, đảm bảo sự hội nhập và hợp tác toàn cầu, đồng thời giữ vững chủ quyền số quốc gia.

Hoàn thiện thể chế pháp lý cho chuyển đổi số ở Việt Nam là một yêu cầu tất yếu, để thực hiện hiệu quả, cần có các giải pháp:

Một là, sớm ban hành Luật Chuyển đổi số với tư cách là luật khung, quy định nguyên tắc, quyền và nghĩa vụ cơ bản của Nhà nước, doanh nghiệp và công dân trong không gian số. Luật này sẽ định hướng, thống nhất và tránh tình trạng chồng chéo giữa các văn bản hiện hành như Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng, Luật Giao dịch điện tử.

Hai là, hoàn thiện cơ chế pháp lý về dữ liệu, xác lập quyền sở hữu, quyền truy cập, quyền khai thác và trách nhiệm bảo mật dữ liệu cá nhân. Đồng thời, thúc đẩy cơ chế chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước và khu vực tư nhân, bảo đảm vừa thuận lợi vừa an toàn.

Ba là, tăng cường khung pháp lý cho đổi mới sáng tạo, ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) cho các lĩnh vực mới như: Fintech, y tế số, giáo dục số, nhằm khuyến khích thử nghiệm nhưng vẫn bảo đảm an toàn pháp lý.

Bốn là, nâng cao năng lực thực thi pháp luật, hiện đại hóa cơ quan quản lý, tăng cường giám sát trực tuyến, áp dụng công nghệ số trong quá trình thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm.

Năm là, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về pháp luật số, tham gia các hiệp định, chuẩn mực quốc tế để bảo đảm tính tương thích, đồng thời tận dụng cơ hội thu hút đầu tư và chuyển giao công nghệ.

5.2. Tăng cường năng lực quản trị số của bộ máy chính trị

Quá trình xây dựng chính phủ số, quốc hội điện tử và chính quyền điện tử địa phương đã đạt nhiều kết quả quan trọng, song vẫn còn không ít hạn chế về hạ tầng, nhân lực, thể chế và phương thức vận hành. Do đó, cần thực hiện đầy đủ những định hướng tăng cường năng lực quản trị số:

Thứ nhất, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm trong mọi hoạt động số hóa, bảo đảm rằng quản trị số không chỉ phục vụ bộ máy mà còn nâng cao chất lượng dịch vụ công và sự hài lòng xã hội.

Thứ hai, phát triển quản trị số theo hướng toàn diện, thống nhất và liên thông, tránh tình trạng phân tán, cục bộ giữa các bộ, ngành, địa phương. Điều này đòi hỏi hệ thống dữ liệu và nền tảng số phải đồng bộ, bảo đảm khả năng chia sẻ và khai thác thông tin.

Thứ ba, kết hợp giữa ứng dụng công nghệ hiện đại (AI, Big Data, IoT, Blockchain) với cải cách thể chế, nhằm tạo ra phương thức quản trị dựa trên dữ liệu và dự báo.

Thứ tư, quản trị số phải gắn với mục tiêu tăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình và phòng chống tham nhũng, coi đây là trụ cột để củng cố niềm tin của Nhân dân đối với hệ thống chính trị.

Việt Nam có thể xây dựng một hệ thống chính trị số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, lấy người dân làm trung tâm qua các giải pháp tăng cường năng lực quản trị số của bộ máy chính trị:

Một là, hoàn thiện khung pháp lý về quản trị số. Cần sớm ban hành các văn bản pháp luật mang tính khung về chuyển đổi số trong khu vực công, bảo đảm sự thống nhất giữa Luật Giao dịch điện tử, Luật An ninh mạng, Luật Dữ liệu cá nhân.

Hai là, xây dựng hạ tầng số hiện đại. Chính phủ cần đầu tư mạnh vào trung tâm dữ liệu quốc gia, hạ tầng điện toán đám mây và mạng 5G phủ rộng, tạo nền tảng vững chắc cho mọi hoạt động quản trị trực tuyến.

Ba là, phát triển nguồn nhân lực số trong khu vực công. Cán bộ, công chức cần được trang bị kiến thức công nghệ, kỹ năng sử dụng dữ liệu, đồng thời xây dựng đội ngũ chuyên gia an ninh mạng để bảo vệ hệ thống chính trị trong không gian số.

Bốn là, đẩy mạnh liên thông và chia sẻ dữ liệu. Các cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ và địa phương cần kết nối cơ sở dữ liệu trên nền tảng thống nhất, hạn chế “cát cứ thông tin”.

Năm là, tăng cường hợp tác công - tư và hợp tác quốc tế. Việt Nam cần huy động nguồn lực từ doanh nghiệp công nghệ trong nước, đồng thời tham gia chuẩn mực quốc tế để bảo đảm tính hội nhập và bảo vệ chủ quyền số.

5.3. Bảo đảm sự tham gia của người dân trong chuyển đổi số

Chuyển đổi số là quá trình thay đổi toàn diện trong quan hệ giữa Nhà nước, doanh nghiệp và công dân. Để bảo đảm sự tham gia thực chất và bình đẳng của người dân cần nắm vững các định hướng bảo đảm sự tham gia của người dân trong chuyển đổi số:

Thứ nhất, lấy người dân làm trung tâm của quá trình chuyển đổi số. Mọi dịch vụ công, hạ tầng số và ứng dụng công nghệ cần hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm chi phí giao dịch và tăng cơ hội tiếp cận chính sách.

Thứ hai, coi sự tham gia của người dân không chỉ ở vai trò thụ hưởng dịch vụ, mà còn ở vai trò góp ý chính sách, giám sát và phản biện xã hội thông qua nền tảng số.

Thứ ba, bảo đảm công bằng số, không để nhóm yếu thế, người ở vùng sâu vùng xa, người nghèo hay người cao tuổi bị bỏ lại phía sau trong tiến trình số hóa.

Thứ tư, gắn kết quá trình tham gia của người dân với mục tiêu minh bạch hóa quản trị nhà nước, qua đó củng cố tính chính danh của Đảng và Nhà nước trong kỷ nguyên số.

Để xây dựng một xã hội số toàn diện, công bằng và bền vững trong kỷ nguyên mới cần thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường sự tham gia của người dân:

Một là, hoàn thiện khung pháp lý cho sự tham gia trực tuyến của người dân. Cần luật hóa các cơ chế tham vấn công dân thông qua công góp ý chính sách điện tử, diễn đàn trực tuyến của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, đồng thời bảo đảm tính pháp lý cho ý kiến số của người dân.

Hai là, phát triển hạ tầng số đồng bộ và toàn diện. Nhà nước cần mở rộng phủ sóng Internet tốc độ cao tới vùng sâu, vùng xa; đồng thời phổ cập điện thoại thông minh và các dịch vụ số giá rẻ để mọi công dân đều có cơ hội tham gia.

Ba là, nâng cao năng lực số của người dân. Chương trình đào tạo kỹ năng số cộng đồng, lớp học trực tuyến cho nông dân, ngư dân, người lao động nhập cư sẽ giúp thu hẹp khoảng cách số và tạo điều kiện cho họ tham gia quản trị số.

Bốn là, tạo kênh phản hồi minh bạch và hiệu quả. Các ứng dụng như Cổng dịch vụ công quốc gia, VNeID, hay kênh Zalo/Facebook chính thức của chính quyền cần tích hợp chức năng phản ánh và xử lý kiến nghị nhanh chóng.

Năm là, khuyến khích xã hội dân sự và báo chí tham gia giám sát. Các tổ chức xã hội, hiệp hội nghề nghiệp có thể trở thành cầu nối giữa Nhà nước và công dân, đồng thời phản ánh kịp thời bất cập trong thực tiễn triển khai chuyển đổi số.

6. Kết luận

Chuyển đổi số là xu thế tất yếu, tác động sâu rộng đến thể chế chính trị Việt Nam. Tác động này có thể nhận thấy rõ qua ba phương diện chủ yếu. Trước hết, chuyển đổi số nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý, điều hành của Nhà nước nhờ số hóa, lưu trữ và xử lý dữ liệu nhanh chóng, chính xác. Tiếp đến, chuyển đổi số mở rộng không gian tham gia chính trị của công dân, tăng cường kết nối Nhà nước và xã hội thông qua nền tảng tương tác trực tuyến, qua đó củng cố tính chính danh và hiệu quả của thể chế. Cuối cùng, quá trình này thúc đẩy sự thay đổi trong cấu trúc và phương thức vận hành của hệ thống chính trị, khi các cơ quan công quyền phải thích ứng với mô hình quản trị hiện đại, linh hoạt và lấy dữ liệu làm

nền tảng cho hoạch định chính sách. Chuyển đổi số là quá trình tất yếu, có ý nghĩa quyết định cho sự phát triển của thể chế chính trị Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Đây vừa là cơ hội hiện đại hóa quản trị quốc gia, vừa tiềm ẩn thách thức. Nếu thiếu cơ chế kiểm soát phù hợp, việc chuyển đổi số có thể làm tăng bất bình đẳng tiếp cận thông tin, tạo khoảng cách giữa các nhóm xã hội hoặc bị lợi dụng để truyền thông tin sai lệch, gây bất ổn chính trị - xã hội. Nhà nước cần chủ động định hình thể chế thích ứng, tận dụng lợi ích công nghệ, đồng thời đảm bảo ổn định và phát triển bền vững. Thành công của quá trình này không phụ thuộc hoàn toàn vào trình độ công nghệ mà quan trọng là vào khả năng đổi mới tư duy chính trị và quản trị của Đảng và Nhà nước. Sự kết hợp hài hòa giữa công nghệ và thể chế, giữa đổi mới kỹ thuật và đổi mới tư duy, Việt Nam sẽ xây dựng được một hệ thống chính trị hiện đại, minh bạch, hiệu quả và gắn bó mật thiết với người dân trong kỷ nguyên số.

Tài liệu tham khảo

Ban Bí thư. (2024). *Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng*. Hà Nội.

Ban Chấp hành Trung ương. (2021). *Quyết định số 27-QĐ/TW ngày 10/8/2021 của Ban chấp hành Trung ương về việc ban hành Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2021-2025*. Hà Nội.

Bộ Chính trị. (2019). *Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019, về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*. Hà Nội.

Bộ Chính trị. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*. Hà Nội.

Cổng thông tin điện tử chính phủ. (09/10/2025). Cổng DVCQG giúp tiết kiệm 4.222 tỷ đồng/năm. <https://egov.chinhphu.vn/cong-dvcqg-giup-tiet-kiem-4.222-ty-dongnam-a-NewsDetails-37824-14-186.html>

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. t.1. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

GS, TS. Tô Lâm. (02/9/2024). Chuyển đổi số - Động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới. *Báo Điện tử Chính phủ*. <https://baochinhphu.vn/chuyen-doi-so-dong-luc-quan-trong-phat-trien-luc-luong-san-xuat-hoan-thien-quan-he-san-xuat-dua-dat-nuoc-buoc-vao-ky-nguyen-moi-102240901141502722.htm>

Hà Linh. (10/10/2024). Viettel đạt vùng phủ 4G đến 95% dân số, đóng góp vào mục tiêu chuyển đổi số quốc gia. *Nhân dân*. <https://nhandan.vn/viettel-dat-vung-phu-4g-den-95-dan-so-dong-gop-vao-muc-tieu-chuyen-doi-so-quoc-gia-post836071.html>

Huy Thắng. (21/4/2025). Tăng tốc cải cách, đơn giản thủ tục thuế. *Báo Điện tử Chính phủ*. <https://baochinhphu.vn/tang-toc-cai-cach-don-gian-thu-tuc-thue-10225042119060084.htm>

Mạnh Tuyên. (06/02/2025). Tính đến ngày 03/02/2025. Công Dịch vụ công quốc gia có hơn 8,8 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái. *Tạp chí Tổ chức Nhà nước và Lao động*. <https://tcnn.vn/news/detail/67657/Tinh-den-ngay-03022025-Cong-Dich-vu-cong-quoc-gia-co-hon-88-trieu-CC%A3u-ho-so-dong-bo-trang-thai.html>

Thủ tướng Chính phủ. (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*.

Thủ tướng Chính phủ. (2024). *Chỉ thị số 7/CT-TTg ngày 21/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác truyền thông chính sách*. Hà Nội.

Thúy Vân. (21/5/2020). Quốc hội họp trực tuyến lần đầu tiên thể hiện sự đổi mới, quyết tâm, tạo động lực để đất nước và nhân dân vượt qua mọi khó khăn. *Tạp chí Quản lý Nhà nước*. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/05/21/quoc-hoi-hop-truc-tuyen-the-hien-su-doi-moi-quyet-tam-thuc-hien-quoc-hoi-dien-tu/>

Văn Phong. (19/9/2024). Việt Nam tăng 15 bậc về xếp hạng Chính phủ điện tử của Liên Hợp Quốc. *Quân đội Nhân dân*. <https://www.qdnd.vn/giao-duc-khoa-hoc/tin-tuc/viet-nam-tang-15-bac-ve-xep-hang-chinh-phu-dien-tu-cua-lien-hop-quoc-795020>